

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-5-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 116/TB-TA ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương T, nơi cư trú: Số 48 BĐ, thị trấn NĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lu Nai L, nơi cư trú: Số nhà 13, tầng 6, số 3, ngõ 83, đường CT, xóm 013, phường TS, khu TC, thành phố TB, Đài Loan; vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Chị kết hôn với anh Lu Nai L trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 12 năm 2018. Sau khi kết hôn, anh Lu Nai L trở về Đài Loan sinh sống, còn chị ở Việt Nam. Thời gian đầu, vợ chồng còn liên lạc với nhau nhưng sau đó do ngôn ngữ, phong tục tập quán bất đồng nên cả hai ít liên lạc với nhau hơn, từ đó mâu

thuần vợ chồng phát sinh. Mặt khác, anh Lu Nai L không đủ điều kiện để bảo lãnh chị sang Đài Loan để vợ chồng đoàn tụ nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không liên lạc với nhau gần 2 năm nay. Vợ chồng đã không có cuộc sống vợ chồng kể từ thời điểm kết hôn. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho chị được ly hôn với anh Lu Nai L, để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung: Chị và anh Lu Nai L không có con chung, không có tài sản chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lu Nai L:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc ủy thác thông qua Bộ Tư pháp. Ngày 25/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 968/BTP-PLQT ngày 18/4/2022 của Bộ Tư pháp thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với anh Lu Nai L thể hiện: Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 08/02/2022 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho người làm thuê của đương sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, chị Nguyễn Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 288, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giải quyết cho chị Nguyễn Thị Phương T ly hôn với anh Lu Nai L ; không giải quyết về con chung, tài sản chung giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Lu Nai L . Về án phí dân sự sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về ly hôn, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T đang sinh sống tại Hải Phòng, bị đơn anh Lu Nai L là người nước ngoài và sinh sống tại lãnh thổ Đài Loan, theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lu Nai L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Thị Phương T kết hôn với anh Lu Nai L tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 12 năm 2018, theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán, tuổi tác. Mặt khác, do anh Lu Nai L không đủ điều kiện để bảo lãnh chị Nguyễn Thị Phương T sang đoàn tụ nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị sống ly thân với nhau trong một thời gian dài, không quan tâm, liên lạc với nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương T và anh Lu Nai L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T.

[4] Về con chung, tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương T xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung. Tuy nhiên, do anh Lu Nai L không có ý kiến gì về con chung, tài sản chung, mặt khác chị Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5.2] Phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Phương T là nguyên đơn nên phải chịu phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Lu Nai L.

2. Về con chung, tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương T xác nhận không có con chung, không có tài sản chung với anh Lu Nai L và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự và phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0019868 ngày 14 tháng 7 năm 2021 và 200.000 đồng phí ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu số 0019869 ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Phương T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp.

Chị Nguyễn Thị Phương T còn phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch để tổng đạt bản án cho anh Lu Nai L.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Phương T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Lu Nai L (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

